

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH

- I. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.
- II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.
- III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.
- IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG.
- V. HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM.

CƠ SỞ PHÁP LÝ

- ❖ Luật các Tổ chức tín dụng 12/12/1997 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật này. (Luật số 20/2004/QH11 ngày 15/06/2004).
- ❖ Luật NHNN Việt Nam 12/12/1997 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật này (Luật số 10/2003/QH11 ngày 17/06/2003).
- ❖ Nghị định số 141/2006/NĐ – CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ về ban hành danh mục mức vốn pháp định của các TCTD.

I. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT CỦA NHTM

1. Khái niệm ngân hàng thương mại:

Hệ thống ngân hàng việt nam

➤ Theo điều 20 luật các tổ chức tín dụng:

Ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan.

I. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT CỦA NHTM

1. Khái niệm ngân hàng thương mại:

- Theo điều 20 luật các tổ chức tín dụng:

Tổ chức tín dụng là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của luật các TCTD và các quy định khác của pháp luật để hoạt động kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi và sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán.

I. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT CỦA NHTM

1. Khái niệm ngân hàng thương mại:

➤ Theo điều 20 luật các tổ chức tín dụng:

Hoạt động Ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán.

I. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT CỦA NHTM

1. Khái niệm ngân hàng thương mại:

➤ Tóm lại :

Ngân hàng thương mại là tổ chức được thành lập theo quy định của luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật, với hoạt động thường xuyên là nhận tiền gửi dưới nhiều hình thức khác nhau từ các tổ chức khác và cá nhân trong nền kinh tế, và sử dụng số tiền này để cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán cho các tổ chức và cá nhân.

I. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT CỦA NHTM

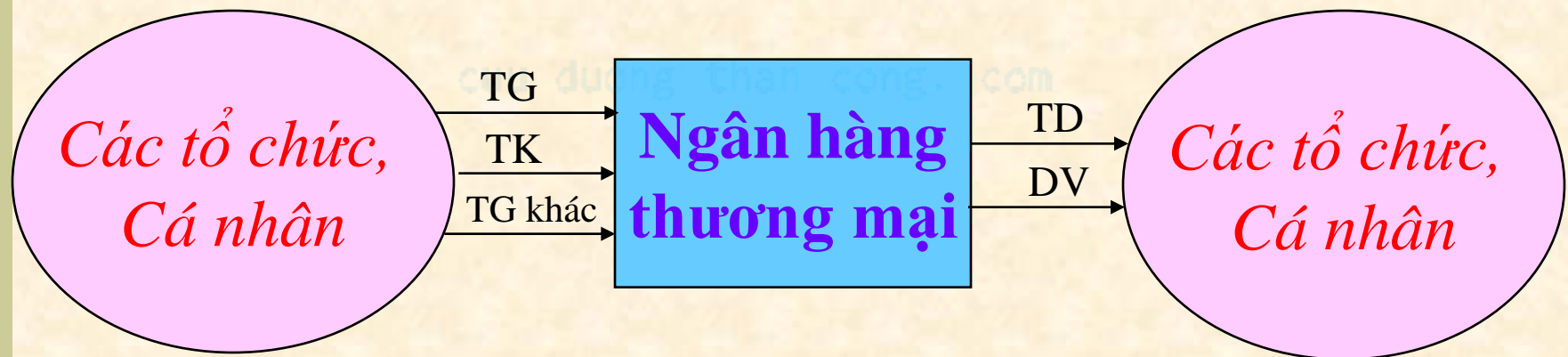
NHTM

- Là tổ chức tín dụng.
- Được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng.
- Là tổ chức nhận tiền gửi.
- Cung cấp dịch vụ thanh toán.

TCTD PHI NH

- Là tổ chức tín dụng.
- Được thực hiện một số hoạt động ngân hàng.
- Là tổ chức không nhận tiền gửi.
- Không cung cấp dịch vụ thanh toán.

Mô hình hoạt động của ngân hàng



I. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT CỦA NHTM

2. Đặc thù hoạt động kinh doanh của NHTM:

- Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ, tài chính - tín dụng.
- Sự tồn tại và phát triển của NHTM phụ thuộc rất lớn vào lòng tin và sự tín nhiệm của khách hàng .
- Hoạt động kinh doanh của NHTM được phân vào nhóm hoạt động kinh doanh có mức độ rủi ro cao .
- Giữa các NHTM có tác động trực tiếp, ảnh hưởng dây chuyền với nhau.

I. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT CỦA NHTM

3. Bản chất của ngân hàng thương mại:

- NHTM là một tổ chức kinh tế.
- NHTM là một tổ chức kinh tế đặc biệt.

cuu duong than cong . com

I. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT CỦA NHTM

3. Bản chất của ngân hàng thương mại:

**Doanh
nghiệp
đặc
biệt**



Lĩnh vực kinh doanh là tiền tệ, tín dụng và dịch vụ ngân hàng

cuu duong than cong. com

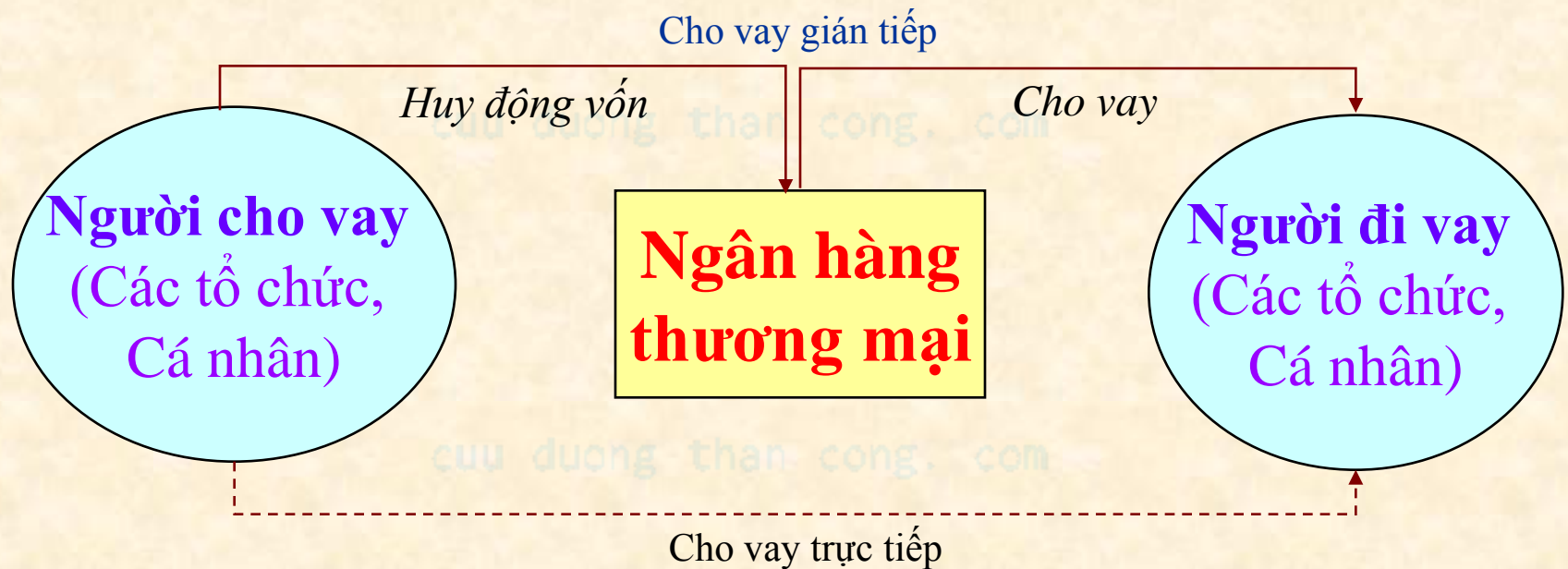
Nguồn vốn chủ yếu sử dụng kinh doanh là vốn huy động từ bên ngoài

Tài sản hữu hình chiếm tỷ trọng thấp, chủ yếu là tài sản vô hình

Chịu sự chi phối rất lớn chính sách tiền tệ của NHTW

II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Chức năng trung gian tín dụng :



II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

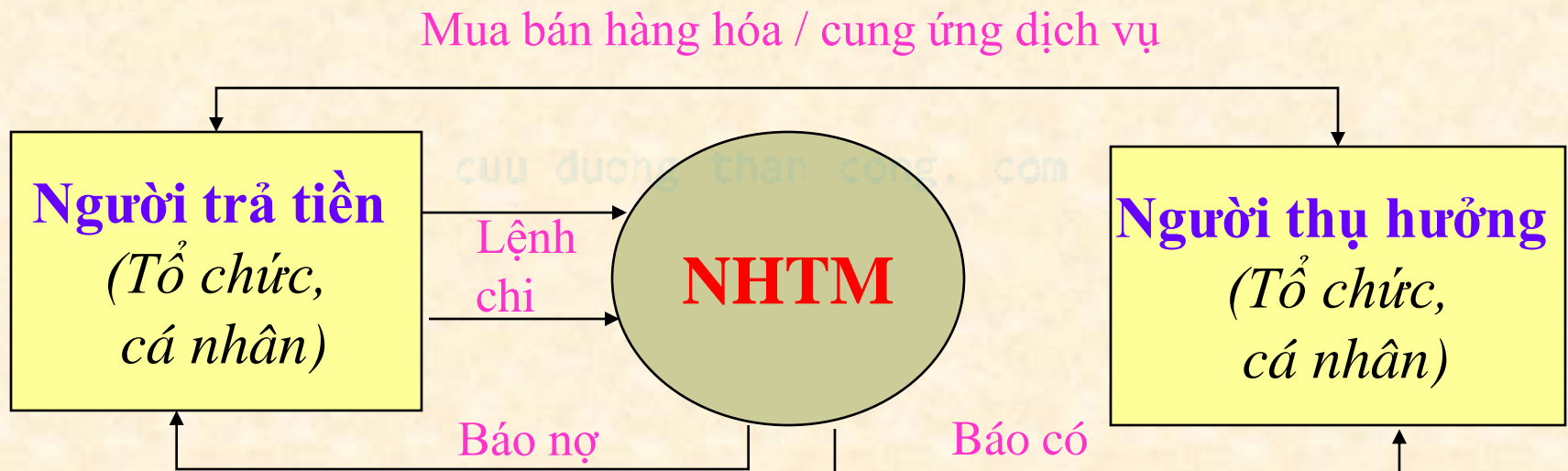
1. Chức năng trung gian tín dụng :

Trong chức năng trung gian tín dụng ngân hàng thương mại đóng vai trò là một định chế tài chính trung gian đứng ra tiếp nhận nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi từ nơi này để điều chuyển đến nơi khác.

cuu duong than cong . com

II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

2. Chức năng trung gian thanh toán:



II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

2. Chức năng trung gian thanh toán :

Trong chức năng trung gian thanh toán ngân hàng thương mại giữ vai trò là một đơn vị trung gian đứng ra tổ chức thực hiện thanh toán chi trả thay cho khách hàng của mình.

cuu duong than cong . com

II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

3. Chức năng tạo bút tệ:

CĐKT – NH 1

Tài sản	Nguồn vốn
TM 10.000	10.000 TG (A)

NH 1 cho KH B vay

CĐKT – NH 1

Tài sản	Nguồn vốn
DT 1.000	10.000 TG (A)
TM 9.000	9.000 TG (B)
CV 9.000	

II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

CĐKT – NH 1

Tài sản	Nguồn vốn
TM 10.000	10.000 TG (A)

CĐKT – NH 1

Tài sản	Nguồn vốn
DT 1.000	10.000 TG (A)
CV 9.000	

CĐKT – NH 2

Tài sản	Nguồn vốn
TM 9.000	9.000 TG (B)

CĐKT – NH 3

Tài sản	Nguồn vốn
TM 8.100	8.100 TG (C)

II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

NH tham gia	Tiền gửi	DTBB	Cho vay
NH 1	10.000	1.000	9.000
NH 2	9.000	900	8.100
NH 3	8.100	810	7.290
NH 4	7.290	729	6.561
Tổng	34.390	3.439	30.951

II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

- Công thức xác định lượng tiền ghi sổ do NHTM tạo ra (*Giáo sư P.Samuelson*):

$$M_n = \frac{M_o * (1-q^n)}{(1-q)}$$

M_n : Tổng khối lượng tiền ghi sổ tạo ra.

M_o : Lượng tiền gửi ban đầu.

n : Số ngân hàng tham gia.

q : Tỷ lệ tiền gửi được sử dụng để cho vay.

II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

3. Chức năng tạo bút tệ:

Khi kết hợp chức năng trung gian tín dụng và chức năng trung gian thanh toán, ngân hàng thương mại có khả năng tạo ra lượng tiền ghi sổ trên tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng lớn hơn gấp nhiều lần so với lượng tiền gửi ban đầu của khách hàng.

cuu duong than cong . com

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

a. Nghiệp vụ tài sản nợ:

➤ Nghiệp vụ vốn tự có:

Vốn tự có của NHTM bao gồm: vốn điều lệ, các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, lợi nhuận không chia và một số tài sản nợ khác theo quy định của ngân hàng Nhà Nước (457/2005/QĐ-NHNN).

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Nghiệp vụ hình thành vốn tự có :

- Nghiệp vụ góp vốn của các chủ sở hữu khi ngân hàng mới thành lập
- Nghiệp vụ góp vốn bổ sung hằng năm trong quá trình hoạt động của NH .

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Đặc điểm vốn tự có :

- Có tính ổn định cao và không ngừng gia tăng.
- Tỷ trọng nhỏ nhưng giữ vai trò rất quan trọng.

Mục đích sử dụng vốn tự có:

- Đầu tư vào tài sản cố định.
- Đầu tư vào các lĩnh vực khác.
- Cho vay.

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

a. Nghiệp vụ tài sản nợ:

➤ Nghiệp vụ huy động vốn:

Vốn huy động: là vốn của các chủ thể khác trong nền kinh tế được ngân hàng tạm thời quản lý và sử dụng kinh doanh trong một thời gian nhất định sau đó sẽ hoàn trả lại cho chủ sở hữu.

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Nghệp vụ huy động :

- Nhận tiền gửi của khách hàng;
- Nhận tiền tiết kiệm;
- Phát hành chứng từ có giá.

Đặc điểm vốn huy động:

- Nguồn vốn không ổn định.
- Nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất.

Mục đích sử dụng :

- Thiết lập dự trữ.
- Cấp tín dụng cho nền kinh tế.

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

a. Nghiệp vụ tài sản nợ:

➤ Nghiệp vụ vay vốn:

Vốn vay: là vốn từ các chủ thể khác cho NHTM vay để đáp ứng cho nhu cầu thanh toán chi trả cho khách hàng và một số nhu cầu khác của NHTM.

Vay từ các NHTM khác:

- NHTM khác trong cùng hệ thống.
- NHTM khác trên cùng địa bàn.

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Vay từ Ngân hàng trung ương:

- Chiết khấu, tái chiết khấu thương phiếu và các chứng từ có giá ngắn hạn.
- Cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác
- Vay bổ sung vốn thiếu hụt trong thanh toán bù trừ.

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

a. Nghiệp vụ tài sản nợ:

➤ Nghiệp vụ tiếp nhận vốn:

Vốn tiếp nhận: là vốn ủy thác từ NHNN cho các chương trình xây dựng cơ bản của Nhà nước; từ các tổ chức tài chính nước ngoài cho các dự án trong nước.

- NHTM sử dụng nguồn vốn này với tư cách là một tổ chức trung gian, cho vay theo các điều kiện của các tổ chức ủy thác đưa ra.

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

a. Nghiệp vụ tài sản nợ:

➤ Nghiệp tài sản nợ khác:

Khi cung ứng dịch vụ cho khách hàng, NHTM có thể sử dụng một số vốn mà không phải trả chi phí cho việc sử dụng vốn, chẳng hạn: *nguồn vốn phát sinh từ dịch vụ đại lý kiều hối, dịch vụ thanh toán trong nước, thanh toán quốc tế.v.v.*

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

b. Nghiệp vụ tài sản có:

➤ Nghiệp vụ ngân quỹ:

Nghiệp vụ ngân quỹ là nghiệp vụ duy trì khả năng thanh khoản thường xuyên của ngân hàng thương mại bằng cách thiết lập dự trữ.

- Dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN
- Dự trữ dưới các hình thức khác: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại TCTD khác hoặc chứng khoán

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

b. Nghiệp vụ tài sản có:

➤ Nghiệp vụ cấp tín dụng:

Cấp tín dụng là nghiệp vụ phân phối nguồn vốn hoạt động của ngân hàng cho các chủ thể thiếu vốn trong nền kinh tế.

- *Điều tiết nguồn vốn cho nền kinh tế;*
- *Mang lại thu nhập cho ngân hàng.*

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Các hình thức cấp tín dụng:

- Cho vay;
- Chiết khấu;
- Cho thuê tài chính;
- Bao thanh toán
- Thấu chi...

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

b. Nghiệp vụ tài sản có:

➤ Nghiệp vụ đầu tư vào các lĩnh vực khác:

Đầu tư trực tiếp :

- Hùn vốn, liên doanh với các TCTC khác.
- Mua cổ phần của các NHTMCP, công ty CP.

Đầu tư gián tiếp :

- Mua TP, kỳ phiếu và các giấy tờ có giá khác.

III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

2. Nghiệp vụ ngoại bảng: (*ng nghiệp vụ trung gian*):

- Nghiệp vụ trung gian được thực hiện dưới hình thức bảo lãnh và kinh doanh dịch vụ, trong đó các NHTM sẽ là đơn vị trung gian bảo lãnh cho khách hàng hoặc cung cấp cho khách hàng một số dịch vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng để được hưởng phí dịch vụ.

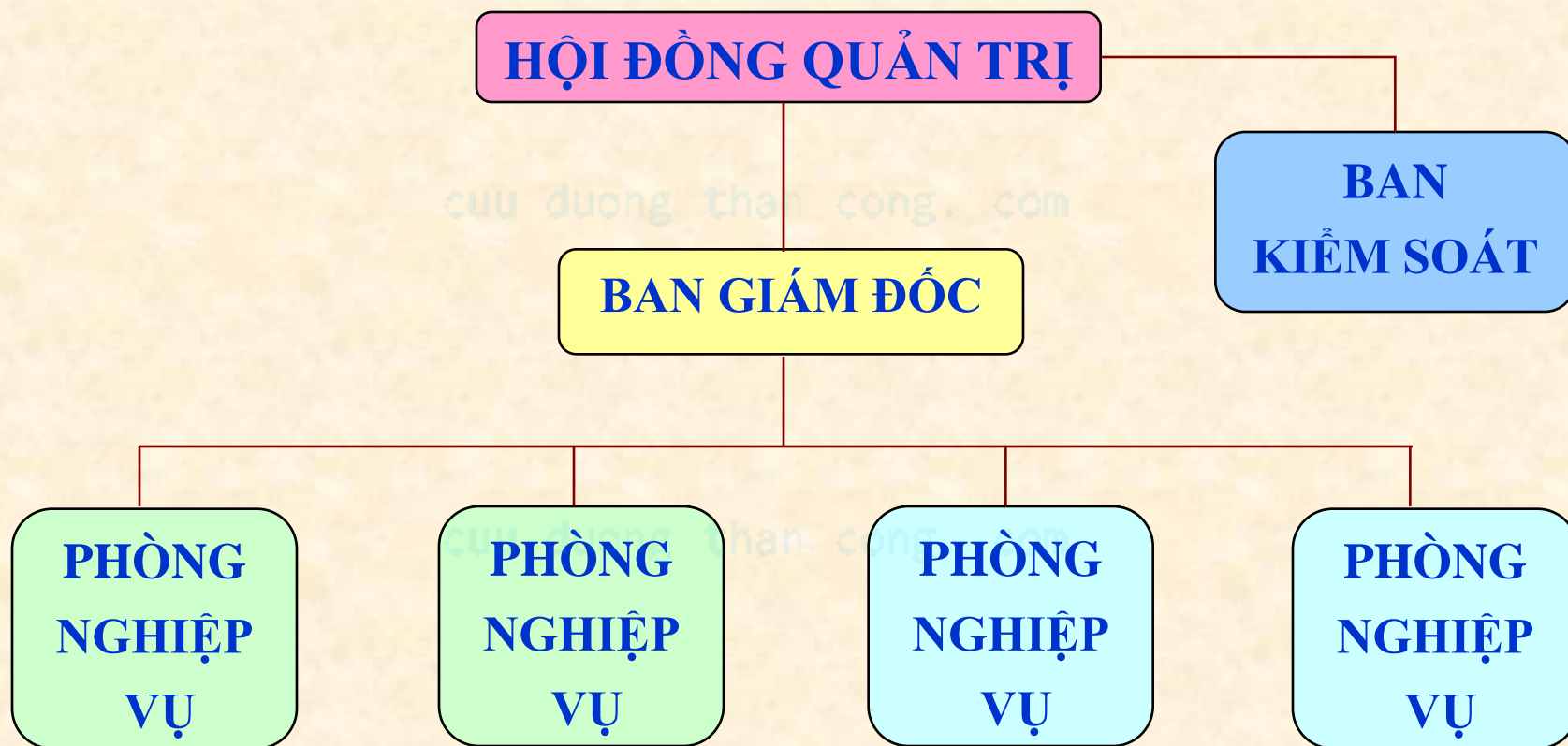
III. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

■ CĂN CỨ VÀO NHÓM SẢN PHẨM CUNG ỨNG

Khách hàng doanh nghiệp	Khách hàng cá nhân
Tiền gửi thanh toán	Tiền gửi tiết kiệm
Thanh toán không dùng tiền mặt	Thẻ thanh toán
Thanh toán quốc tế	Cho vay tiêu dùng
Bao thanh toán	Cho vay sửa chữa, xây dựng, mua bán nhà
Mua bán ngoại tệ	Cho vay trả góp
Cho vay, bảo lãnh	Cho vay kinh tế hộ gia đình
Môi giới chứng khoán...	Thanh toán qua ngân hàng...

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tổ chức



IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tổ chức

a. Hội đồng quản trị:

- HĐQT là bộ máy quyền lực cao nhất của ngân hàng thương mại.
- Hội đồng quản trị có chức năng quản trị tổ chức tín dụng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

d. Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của tổ chức tín dụng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng

c. Ban giám đốc :

- Ban giám đốc của tổ chức tín dụng là người chịu trách nhiệm trước HĐQT điều hành hoạt động hằng ngày theo nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật.

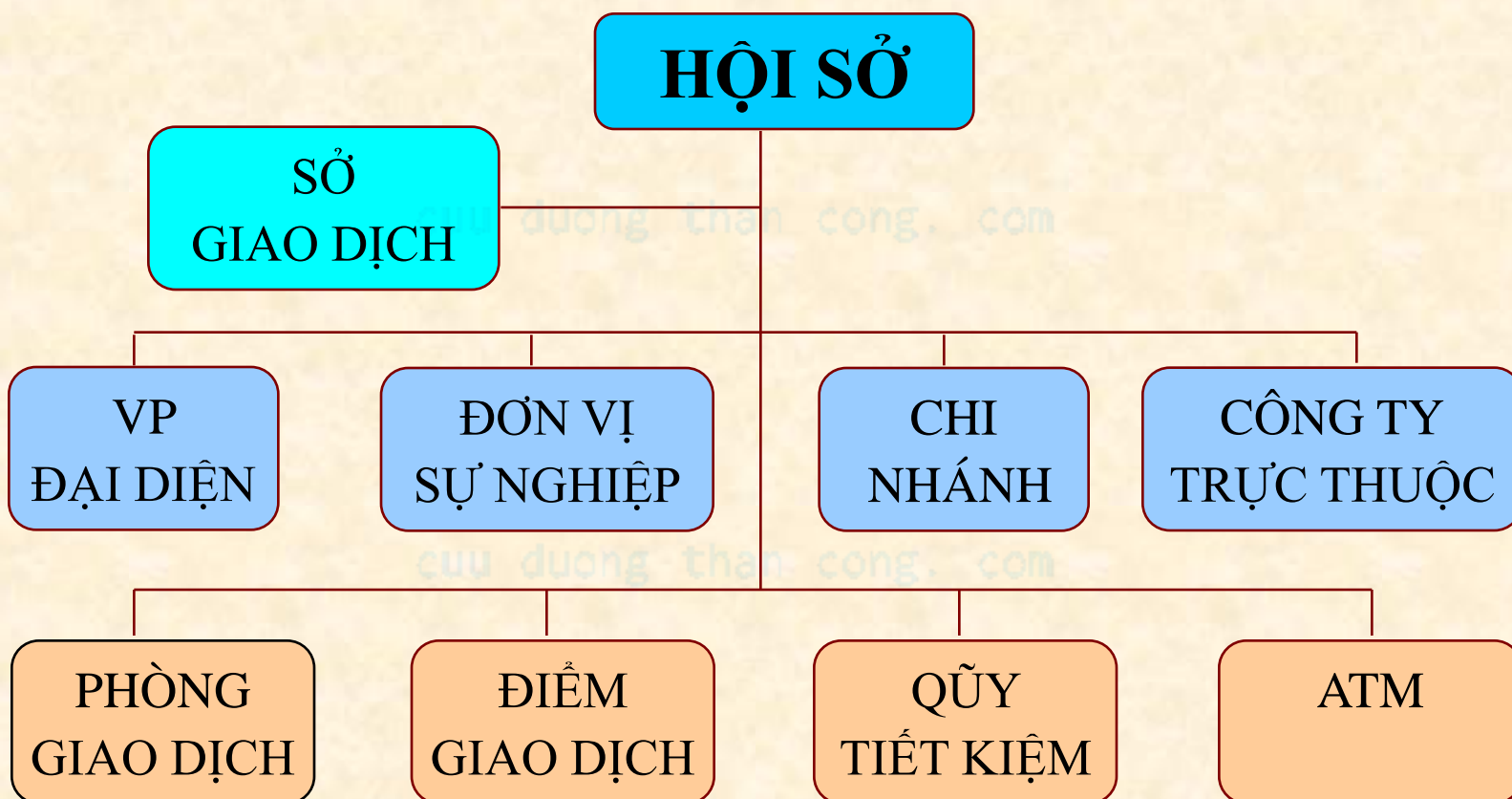
IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

d. Phòng nghiệp vụ:

- Phòng nghiệp vụ là các bộ phận chuyên trách thực hiện các hoạt động tác nghiệp kinh doanh cụ thể của ngân hàng thương mại, là các bộ phận trực tiếp giao dịch với khách hàng.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

2. Mạng lưới hoạt động:



IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

2. Mạng lưới hoạt động:

a. Hội sở:

Là cơ quan quản lý và chỉ đạo hoạt động của toàn hệ thống, đồng thời trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng.

b. Sở giao dịch:

Là đơn vị phụ thuộc trụ sở chính của ngân hàng thương mại, hạch toán phụ thuộc, có con dấu, thực hiện hoạt động kinh doanh theo ủy quyền của ngân hàng thương mại.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

c. Chi nhánh:

Là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện hoạt động kinh doanh theo ủy quyền của ngân hàng thương mại.

d. Văn phòng đại diện:

Là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thương mại. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

e. Đơn vị sự nghiệp:

Là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh theo ủy quyền của ngân hàng thương mại

f. Công ty trực thuộc:

Là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động kinh doanh theo ủy quyền của NHTM

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

g. Phòng giao dịch:

Là bộ phận phụ thuộc sở giao dịch, chi nhánh của ngân hàng thương mại, hạch toán báo sổ, có con dấu, thực hiện một số giao dịch với khách hàng theo sự ủy quyền của đơn vị trực tiếp quản lý.

cuu duong than cong. com

V. HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VN

1. Lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam:

- Ngày 6/5/1951, với tên gọi “*Ngân hàng Quốc Gia Việt Nam*”, tổ chức hoạt động theo mô hình ngân hàng một cấp.
- Ngày 21/01/1960 “*Ngân hàng Quốc Gia Việt Nam*” được đổi tên thành “*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*”.

V. HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VN

Ngày 26/3/1988 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ký Nghị định 53 hình thành Hệ thống Ngân hàng hai cấp

- *Cấp ngân hàng quản lý*: là Ngân hàng Nhà nước thực thi nhiệm vụ Quản lý nhà nước về lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

- *Cấp Ngân hàng kinh doanh*: đó là các tổ chức tín dụng ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ.

V. HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VN

2. Các loại hình ngân hàng thương mại :

a. Ngân hàng thương mại nhà nước:

Ngân hàng thương mại nhà nước là ngân hàng do Nhà nước được thành lập, vốn của Nhà nước, thuộc sở hữu nhà nước, có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, hoạt động theo mô hình của một doanh nghiệp nhà nước.

V. HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VN

2. Các loại hình ngân hàng thương mại :

b. Ngân hàng thương mại cổ phần:

Ngân hàng Thương mại cổ phần là ngân hàng được thành lập và hoạt động bằng nguồn vốn góp của các cổ đông dưới hình thức mua cổ phần, có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, tổ chức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

V. HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VN

2. Các loại hình ngân hàng thương mại :

c. Ngân hàng liên doanh :

Ngân hàng liên doanh là ngân hàng được thành lập tại Việt Nam, bằng vốn góp của bên Việt Nam (gồm một hoặc nhiều ngân hàng Việt Nam) và bên nước ngoài (gồm một hoặc nhiều ngân hàng nước ngoài) trên cơ sở hợp đồng liên doanh. Ngân hàng liên doanh được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, là pháp nhân Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam.

V. HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VN

2. Các loại hình ngân hàng thương mại :

d. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đơn vị phụ thuộc của các tổ chức tài chính nước ngoài (ngân hàng mẹ), không có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, hoạt động theo giấy phép mở chi nhánh và pháp luật Việt nam, được ngân hàng mẹ bảo đảm bằng văn bản về việc chịu trách nhiệm đối với mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam.

V. HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VN

2. Các loại hình ngân hàng thương mại :

e. Ngân hàng 100% vốn của nước ngoài:

Ngân hàng 100% vốn nước ngoài là ngân hàng được thành lập tại Việt Nam với 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu nước ngoài; trong đó phải có một ngân hàng nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ (ngân hàng mẹ). Ngân hàng 100% vốn nước ngoài được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, là pháp nhân Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam.

V. HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VN

❖ DỰA VÀO CHIẾN LƯỢC KINH DOANH :

Ngân hàng bán lẻ : Là loại NH giao dịch và cung ứng dịch vụ cho đối tượng khách hàng cá nhân. Loại hình này thường thấy ở các NHTM cổ phần nông thôn.

Ngân hàng vừa bán buôn vừa bán lẻ : Là loại NH giao dịch và cung ứng dịch vụ cho cả đối tượng khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân.

Ngân hàng bán buôn : Là NH chỉ giao dịch và cung ứng dịch vụ cho đối tượng khách hàng công ty chứ không giao dịch với khách hàng cá nhân. (đại bộ phận các chi nhánh NH nước ngoài tại Việt Nam đều là các NH bán buôn).

V. HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VN

❖ DỰA VÀO LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG :

Ngân hàng chuyên doanh : Là loại ngân hàng chỉ hoạt động chuyên môn trong một lĩnh vực nào đó như: công nghiệp, nông nghiệp, xuất nhập khẩu, ngân hàng đầu tư...

Ngân hàng đa năng, kinh doanh tổng hợp : Là loại ngân hàng hoạt động ở mọi lĩnh vực kinh tế và thực hiện hầu như tất cả các nghiệp vụ mà một ngân hàng có thể được phép thực hiện.